

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2106/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 01 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định cụ thể một số chính sách
hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản
theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Căn cứ Thông tư số 08/2009/TT-BNN ngày 26/02/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Hướng dẫn thực hiện một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 705/TTg-KGVX ngày 11/05/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Công văn số 1894/SNN&PTNT ngày 10/11/2009 Về việc đề nghị ban hành Quyết định hướng dẫn thực hiện một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định cụ thể một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ trên địa bàn 6 huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi, với nội dung như sau:

1. Định mức kỹ thuật các loại giống cây trồng, vật nuôi và vật tư nông nghiệp: Thực hiện theo Quyết định số 44/2009/QĐ-UBND ngày 15/9/2009 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Qui định thực hiện dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình 135 giai đoạn II.

2. Đối với trồng rừng sản xuất được giao cho hộ gia đình, cá nhân: Được hỗ trợ cây giống, phân bón và một phần nhân công với mức hỗ trợ tối đa là 03 triệu đồng/ha, một hộ được hỗ trợ tối đa là 02ha.

Điều kiện được hỗ trợ: Trồng rừng sản xuất cây nguyên liệu giấy, ván dăm như các loại keo, nứa, lồ ô **phải có trồng xen** từ 50-70 cây gỗ lớn gồm một hoặc nhiều

trong các loại cây sau: dầu rái, lim xanh, sao đen, muồng đen, mít, dổi, chò chỉ, trám trắng, xà cừ.

3. Chuyển đổi cơ cấu giống trong nhóm cây ngắn ngày kém hiệu quả **sang trồng ngô lai, trồng mía giống mới** thì được hỗ trợ toàn bộ kinh phí mua giống, phân bón cho 01 vụ sản xuất chuyển đổi đầu tiên, định mức ngô lai theo qui định tại Quyết định số 44/2009/QĐ-UBND ngày 15/9/2009 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, định mức trồng mía giống mới theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT áp với giá thời điểm, mức hỗ trợ tối đa là 0,5ha/01 hộ.

4. Hộ nghèo có chăn nuôi trâu, bò, dê được hỗ trợ 02 triệu đồng/ha để mua giống cỏ trồng thâm canh, mức hỗ trợ tối đa 01ha/hộ.

5. Hỗ trợ một lần toàn bộ tiền mua giống thủy sản: Hộ nuôi trồng thủy sản khi chuyển đổi nuôi các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao được hỗ trợ một lần toàn bộ tiền mua giống. Mức hỗ trợ không quá 02 triệu đồng/1.000m² mặt nước, mỗi hộ được hỗ trợ không quá 1.000m² mặt nước.

6. Về chính sách Khuyến nông - Khuyến ngư: mỗi xã bố trí một Khuyến nông viên cơ sở, tiêu chuẩn chọn và Hợp đồng Khuyến nông viên cơ sở giao cho Chủ tịch UBND xã vận dụng theo Quyết định số 10/QĐ-HĐTVKN ngày 03/5/2007 của Hội đồng Tư vấn khuyến nông tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của Khuyến nông viên cơ sở. Mức trả trợ cấp cho Khuyến nông viên cơ sở được tính: mức lương cơ bản x 0,9 cho 01 người/tháng. Thời gian tuyển dụng và tính phụ cấp bắt đầu từ ngày 01/12/2009.

7. Chính sách hỗ trợ hộ gia đình hưởng tiền khoán chăm sóc, bảo vệ rừng 200.000 đồng/ha/năm theo quy định tại điểm c, Tiết 1, Mục II, Phần II của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ: Thời gian thực hiện chi hỗ trợ kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

8. Về chính sách hỗ trợ gạo (được trợ cấp 15 kg gạo/khẩu/tháng trong thời gian chưa tự túc được lương thực) theo quy định tại điểm c, Tiết 1, Mục II, Phần II của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ:

a) Đối tượng hưởng hỗ trợ là nhân khẩu hợp pháp (có tên trong Sổ Hộ khẩu và thường trú tại địa phương) trong hộ nghèo;

b) Hình thức hỗ trợ: cấp gạo trực tiếp cho các hộ gia đình thuộc diện theo quy định (không cấp bằng tiền).

c) Thời gian hỗ trợ: Thời gian trợ cấp tính theo tháng và chỉ tính cho những tháng thực thiếu trong năm; thời gian tối đa được trợ cấp là 84 tháng (7 năm) tính theo năm dương lịch, kể từ ngày 01/12/2009 (riêng đối với những huyện đã thực hiện hỗ trợ gạo thì tính từ ngày UBND huyện quyết định hỗ trợ gạo).

d) Đơn vị thực hiện cấp gạo: Do Chủ tịch UBND huyện quyết định.

e) Phương thức cấp và thanh, quyết toán số gạo hỗ trợ: Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành liên quan hướng dẫn UBND các huyện miền núi thực hiện.

9. Trong quá trình thực hiện, có gì vướng mắc hoặc chưa phù hợp, đề nghị UBND các huyện phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp - Phát triển nông thôn), để nghiên cứu bổ sung cho phù hợp.

Điều 2.

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra quá trình thực hiện; tổng hợp kết quả thực hiện của UBND các huyện, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để chỉ đạo.

2. UBND các huyện miền núi có trách nhiệm căn cứ các quy định liên quan của Nhà nước và Quyết định này, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, đảm bảo đúng quy định của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Trưởng Ban Dân tộc; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện miền núi; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Hué